



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI CHỨNG CHỈ UDCNTT
KHÓA 105, NGÀY 16/6/2024

LỊCH THI

Phòng thi	Địa điểm	Thời gian		Ghi chú
		Lý thuyết	Thực hành	
01	Phòng 201B4	7h00'	8h00'	31
02	Phòng 202B4	7h00'	8h00'	34
03	Phòng 203B4	7h00'	8h00'	33
04	Phòng 204B4	7h00'	8h00'	34
05	Phòng 205B4	7h00'	8h00'	31
06	Phòng 206B4	7h00'	8h00'	32
07	Phòng 103B4	7h00'	8h00'	32

Ghi chú:

- Thí sinh tập trung tại phòng thi **trước giờ thi 15 phút**
- Thí sinh mang theo Thẻ Sinh viên; CMND (CCCD) để làm thủ tục dự thi
- Trang phục khi dự thi: Nam mặc áo sơ mi bỏ vào quần; Nữ trang phục gọn gàng, nghiêm túc

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ ƯDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên		Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Thời gian thi		Phòng thi	
									Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
1	001	0023411454	Nguyễn Phú Thùy	An	Nữ	Kinh	17/9/2005	Bến Tre	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
2	002	0022412251	Nguyễn Thị Mỹ	An	Nữ	Kinh	12/01/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
3	003	0023411599	Trần Thị Thúy	An	Nữ	Kinh	08/12/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
4	004	0789687599	Văn Ngọc Nhã	An	Nữ	Kinh	07/4/2002	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
5	005	0022411871	Đỗ Thị Ngọc	Anh	Nữ	Kinh	21/9/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
6	006	0023413925	Nguyễn Phạm Châu	Anh	Nữ	Kinh	23/02/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
7	007	0021410037	Phùng Thị Tuyết	Anh	Nữ	Kinh	05/09/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
8	008	0022410249	Tổng Minh	Anh	Nữ	Kinh	07/8/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
9	009	0023410802	Trần Loan	Anh	Nữ	Kinh	10/6/2005	Bạc Liêu	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
10	010	0023310084	Tăng Kim	Ánh	Nữ	Kinh	11/3/2000	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
11	011	0022412649	Trần Thái	Bảo	Nam	Kinh	16/11/2004	An Giang	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
12	012	0023411998	Trần Thiệu	Bình	Nữ	Kinh	26/5/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
13	013	0023412346	Nguyễn Trần	Chân	Nam	Kinh	22/3/2005	Tiền Giang	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
14	014	0022411755	Đỗ Quốc	Cường	Nam	Kinh	25/10/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
15	015	0023411506	Phan Phước Duy	Đal	Nam	Kinh	25/11/2005	Cần Thơ	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
16	016	0022412768	Nguyễn Trịnh Quang	Đăng	Nam	Kinh	20/12/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
17	017	0020410044	Võ Duy	Đăng	Nam	Kinh	12/06/2002	Kiên Giang	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
18	018	0023413556	Nguyễn Hà Gia	Đạt	Nam	Kinh	15/02/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
19	019	0023410051	Nguyễn Thành Tiến	Đạt	Nam	Kinh	08/7/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
20	020	0023411407	Trần Dương	Đạt	Nam	Kinh	24/3/2005	Bến Tre	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
21	021	0022411550	Võ Thị Ngọc	Đề	Nữ	Kinh	23/4/2004	Sóc Trăng	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
22	022	0020410250	Phạm Ngọc Phương	Đông	Nữ	Kinh	31/12/1997	Tiền Giang	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
23	023	0022411562	Võ Thị Quỳnh	Dur	Nữ	Kinh	23/4/2004	Sóc Trăng	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
24	024	0022410288	Lê Huỳnh	Đức	Nam	Kinh	02/9/2004	Vĩnh Long	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
25	025	0023412142	Thái Hoàng	Dương	Nam	Kinh	21/5/2005	Tiền Giang	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
26	026	0023411165	Trần Quốc	Dương	Nam	Kinh	17/8/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
27	027	0023411389	Võ Thành	Dương	Nam	Kinh	22/5/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
28	028	0021410138	Đặng Nhật	Duy	Nam	Kinh	08/11/2003	Trà Vinh	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
29	029	0022412758	Đặng Nguyễn Mỹ	Duyên	Nữ	Kinh	18/12/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
30	030	0023412279	Đinh Thị Thùy	Duyên	Nữ	Kinh	29/6/2005	Cà Mau	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
31	031	0022410433	Lê Thị Thảo	Duyên	Nữ	Kinh	25/02/2004	Vĩnh Long	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4

Tổng số thí sinh: 31

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên		Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Thời gian thi		Phòng thi	
									Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
1	032	0023412763	Đặng Phúc Hà	Giang	Nữ	Kinh	16/8/2005	Hậu Giang	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
2	033	0020410775	Trì Thị Cẩm	Giang	Nữ	Kinh	11/12/2002	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
3	034	0023411823	Lê Huỳnh	Giao	Nữ	Kinh	04/01/2005	Bạc Liêu	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
4	035	0023410063	Mã Thị Kim	Giàu	Nữ	Kinh	10/3/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
5	036	0021412308	Nguyễn Ngọc Khánh	Hà	Nữ	Kinh	25/03/2003	Tiền Giang	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
6	037	0021410193	Nguyễn Thị Thanh	Hà	Nữ	Kinh	21/07/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
7	038	0023412406	Nguyễn Thị Yến	Hà	Nữ	Kinh	10/02/2005	Long An	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
8	039	0023412949	Lê Thị Ngọc	Hân	Nữ	Kinh	22/12/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
9	040	0023411138	Ngô Gia	Hân	Nam	Kinh	11/10/2005	Cần Thơ	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
10	041	0022410321	Nguyễn Tăng Bảo	Hân	Nữ	Kinh	27/4/2004	Bạc Liêu	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
11	042	0022411024	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	Nữ	Kinh	09/01/2004	Long An	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
12	043	0021411271	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	Nữ	Kinh	27/02/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
13	044	0021410224	Lương Thị Hồng	Hạnh	Nữ	Kinh	15/04/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
14	045	0023412646	Nguyễn Thị Thu	Hạnh	Nữ	Kinh	27/2/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
15	046	0021410231	Lê Nguyễn Mỹ	Hào	Nữ	Kinh	12/05/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
16	047	0021412370	Bùi Trần Trung	Hậu	Nam	Kinh	09/02/2001	Bến Tre	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
17	048	0020410658	Nguyễn Phước	Hậu	Nam	Kinh	01/04/2002	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
18	049	0021410238	Thái Văn	Hậu	Nam	Kinh	18/09/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
19	050	0022412195	Trần Anh	Hồ	Nam	Kinh	16/01/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
20	051	0022411093	Lai Thị Xuân	Hoa	Nữ	Kinh	21/4/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
21	052	0022412307	Lê Ngọc Thu	Hồng	Nữ	Kinh	15/01/2004	Tiền Giang	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
22	053	0021410265	Phạm Bành Phước	Hưng	Nam	Kinh	18/11/2003	Vĩnh Long	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
23	054	0023310083	Huỳnh Thị	Hường	Nữ	Kinh	16/9/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
24	055	0022411793	Lê Hoàng	Huy	Nam	Kinh	11/3/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
25	056	0020410241	Trần Đức	Huy	Nam	Kinh	14/03/2002	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
26	057	0022412382	Lê Thị Trúc	Huyền	Nữ	Kinh	30/12/2004	Cần Thơ	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
27	058	0021410293	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	Nữ	Kinh	11/07/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
28	059	0021410300	Nguyễn Thị Nguyệt	Huỳnh	Nữ	Kinh	09/03/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
29	060	0023410843	Võ Hoàng	Kha	Nam	Kinh	24/4/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
30	061	0022411877	Phạm Minh	Khá	Nữ	Kinh	23/9/2003	Long An	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
31	062	0022412350	Lê Vĩnh	Khang	Nam	Kinh	25/3/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
32	063	0021412494	Võ Phúc	Khang	Nam	Kinh	04/07/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
33	064	0021410319	Đoàn Thị Kim	Khánh	Nữ	Kinh	16/10/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
34	065	0023410697	Nguyễn Đăng	Khoa	Nam	Kinh	06/12/2005	Tây Ninh	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4

Tổng số thí sinh: 34

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Thời gian thi		Phòng thi	
								Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
1	066	0023413163	Nguyễn Duy Kiệt	Nam	Kinh	28/8/2005	Bình Thuận	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
2	067	0022410929	Nguyễn Tấn Kiệt	Nam	Kinh	22/4/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
3	068	0022412128	Võ Anh Kiệt	Nam	Kinh	27/8/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
4	069	0022410111	Nguyễn Thanh Lan	Nữ	Kinh	01/8/2004	Trà Vinh	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
5	070	0022410659	Phạm Thanh Lan	Nữ	Kinh	11/02/2004	Bến Tre	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
6	071	0023414134	Nguyễn Ngọc Thùy Linh	Nữ	Kinh	26/3/2005	Tiền Giang	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
7	072	0021411423	Trần Duy Linh	Nam	Kinh	20/05/2003	Bến Tre	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
8	073	0023414107	Trần Thị Yến Linh	Nữ	Kinh	28/9/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
9	074	0023412966	Nguyễn Hữu Lộc	Nam	Kinh	14/5/2005	Tiền Giang	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
10	075	0020411319	Lê Hữu Lợi	Nam	Kinh	12/02/2002	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
11	076	0021411447	Trần Cẩm Ly	Nữ	Kinh	02/06/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
12	077	0021410413	Huỳnh Thị Như Mai	Nữ	Kinh	09/09/1998	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
13	078	0023410307	Kiến Thị Sơn Mai	Nữ	Khmer	21/02/2004	An Giang	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
14	079	0023410287	Lê Ban Mai	Nữ	Kinh	05/5/2005	Long An	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
15	080	0023414042	Lê Thị Huỳnh Mai	Nữ	Kinh	03/01/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
16	081	0023413361	Nguyễn Đỗ Trúc Mai	Nữ	Kinh	31/7/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
17	082	0021410415	Nguyễn Ngọc Mai	Nữ	Kinh	20/10/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
18	083	0022412031	Nguyễn Thị Cúc Mai	Nữ	Kinh	04/3/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
19	084	0021411457	Võ Thị Tuyết Mai	Nữ	Kinh	08/12/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
20	085	0023411302	Trần Thị Nguyệt Mẫn	Nữ	Kinh	12/12/2005	Bến Tre	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
21	086	0023410159	Nguyễn Thành Mến	Nam	Kinh	11/4/2005	An Giang	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
22	087	0023411802	Huỳnh Thị Thảo My	Nữ	Kinh	13/9/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
23	088	0023411851	Lê Thị Hồng My	Nữ	Kinh	15/10/2005	Vĩnh Long	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
24	089	0023410565	Phan Thị Ngọc My	Nữ	Kinh	04/12/2005	Trà Vinh	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
25	090	0023411606	Lê Thị Kiều Mỹ	Nữ	Kinh	28/6/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
26	091	0022411814	Huỳnh Thị Kim Ngân	Nữ	Kinh	09/11/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
27	092	0023411481	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	Nữ	Kinh	01/12/2005	Trà Vinh	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
28	093	0022410622	Nguyễn Thị Kim Ngân	Nữ	Kinh	02/01/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
29	094	0022410505	Nguyễn Thị Thanh Ngân	Nữ	Kinh	04/4/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
30	095	0022411223	Phạm Kim Ngân	Nữ	Kinh	12/5/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
31	096	0021410496	Phan Thị Kim Ngân	Nữ	Kinh	16/09/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
32	097	0023411162	Trần Thị Kim Ngân	Nữ	Kinh	15/7/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
33	098	0023414156	Triệu Thoại Ngân	Nữ	Hoa	01/7/2005	Bạc Liêu	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4

Tổng số thí sinh: 33

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV CMND	Họ và Tên		Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Thời gian thi		Phòng thi	
									Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
1	099	0023413214	Huỳnh Mẫn	Nghi	Nữ	Kinh	16/9/2005	Vĩnh Long	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
2	100	0020410835	Huỳnh Đặng Hiếu	Nghĩa	Nam	Kinh	20/01/2002	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
3	101	0022411626	Bùi Thiện	Ngộ	Nam	Kinh	30/5/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
4	102	0021410518	Huỳnh Khánh	Ngọc	Nữ	Kinh	03/06/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
5	103	0021412776	Liêu Thị Bảo	Ngọc	Nữ	Kinh	15/11/2003	Vĩnh Long	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
6	104	0023410955	Phan Minh	Ngọc	Nữ	Kinh	04/6/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
7	105	0023411469	Trần Hồng	Ngọc	Nữ	Kinh	07/01/2005	Tiền Giang	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
8	106	0023411244	Trần Thị Tuyết	Ngọc	Nữ	Kinh	21/12/2005	Tiền Giang	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
9	107	0022410408	Trương Bảo	Ngọc	Nữ	Kinh	03/8/2004	Cần Thơ	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
10	108	0023411045	Vũ Hồ Hoài	Ngọc	Nữ	Kinh	02/9/2005	Cần Thơ	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
11	109	0023410797	Huỳnh Thoại	Nguyên	Nữ	Kinh	12/8/2005	Bạc Liêu	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
12	110	0019310032	Bùi Mỹ	Nhàn	Nữ	Kinh	20/04/2001	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
13	111	0023410528	Nguyễn Hữu	Nhân	Nam	Kinh	26/02/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
14	112	0023411001	Trần Hữu	Nhân	Nam	Kinh	12/10/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
15	113	0021410568	Nguyễn Thị Xuân	Nhật	Nữ	Kinh	09/06/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
16	114	0023410439	Lê Thị Yến	Nhi	Nữ	kinh	17/10/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
17	115	0020410445	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	Nữ	Kinh	08/09/2002	Vĩnh Long	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
18	116	0022411088	Nguyễn Thị Nguyệt	Nhi	Nữ	Kinh	15/02/2004	Bến Tre	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
19	117	0023413232	Nguyễn Thị Xuân	Nhi	Nữ	Kinh	28/10/2005	Tây Ninh	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
20	118	0023410378	Nguyễn Thị Yến	Nhi	Nữ	Kinh	24/5/2005	Long An	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
21	119	0022411787	Nguyễn Thúy	Nhi	Nữ	Kinh	14/11/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
22	120	0022411420	Nguyễn Yến	Nhi	Nữ	Kinh	13/10/2004	Tiền Giang	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
23	121	0023411333	Phạm Hoàng Yến	Nhi	Nữ	Kinh	10/3/2005	Bạc Liêu	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
24	122	0022412274	Phạm Yến	Nhi	Nữ	Kinh	17/8/2004	Cà Mau	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
25	123	0021412896	Võ Thị Kim	Nhi	Nữ	Kinh	22/09/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
26	124	0022411794	Võ Thị Thanh	Nhi	Nữ	Kinh	15/7/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
27	125	0023310060	Võ Thị Yến	Nhi	Nữ	Kinh	30/11/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
28	126	0023411160	Phan Thị Hồng	Nho	Nữ	Kinh	20/4/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
29	127	0022410900	Dương Lê Xuân	Như	Nữ	Kinh	25/7/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
30	128	0023412912	Hồ Thị Huỳnh	Như	Nữ	Kinh	17/6/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
31	129	0021412908	Lâm Thảo	Như	Nữ	Kinh	09/12/2003	Cà Mau	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
32	130	0018310044	Lê Thị Huỳnh	Như	Nữ	Kinh	29/09/2000	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
33	131	0021410637	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	Nữ	Kinh	29/04/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
34	132	0022411930	Văng Thị Yến	Như	Nữ	Kinh	31/12/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4

Tổng số thí sinh: 34

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên		Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Thời gian thi		Phòng thi	
									Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
1	133	0021410652	Phạm Thị Kim	Nhung	Nữ	Kinh	25/08/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
2	134	0021412959	Trương Minh	Nhật	Nam	Kinh	06/09/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
3	135	0023414041	Lê Thị Kiều	Oanh	Nữ	Kinh	03/4/2005	Tiền Giang	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
4	136	0023412511	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	Nữ	Kinh	05/12/2005	Long An	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
5	137	0023411175	Lưu Thị Kim	Phấn	Nữ	Kinh	01/7/2005	Tiền Giang	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
6	138	87097003142	Trần Văn	Pháp	Nam	Kinh	04/9/1997	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
7	139	0020410377	Nguyễn Tấn	Phát	Nam	Kinh	02/09/2001	Bến Tre	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
8	140	0020410834	Nguyễn Phong	Phú	Nam	Kinh	03/07/2002	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
9	141	0023413533	Lê Thanh	Phúc	Nam	Kinh	08/11/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
10	142	0021410686	Lê Văn	Phúc	Nam	Kinh	12/06/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
11	143	0023413863	Trương Hoàng	Phúc	Nam	Kinh	30/01/2005	Kiên Giang	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
12	144	89194021546	Nguyễn Đức Nhi	Phụng	Nữ	Kinh	03/10/1994	An Giang	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
13	145	87301007520	Lê Bào	Phương	Nữ	Kinh	29/11/2001	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
14	146	0023412091	Nguyễn Quang	Quân	Nam	Kinh	11/11/2003	An Giang	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
15	147	0023410605	Nguyễn Văn	Quy	Nam	kinh	26/3/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
16	148	0023410944	Trần Bùi Tổng	Quý	Nữ	Kinh	12/01/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
17	149	0023412803	Huỳnh Hạnh	Quyên	Nữ	Kinh	13/5/2005	Tiền Giang	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
18	150	0020410913	Võ Thị Thúy	Quyên	Nữ	Kinh	19/05/2002	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
19	151	0023414268	Huỳnh Ngọc Như	Quỳnh	Nữ	Kinh	08/5/2005	Bến Tre	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
20	152	0022410690	Trần Ngọc	Sang	Nam	Kinh	17/02/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
21	153	0023414204	Hà Thị	Siên	Nữ	Kinh	26/02/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
22	154	0023410021	Nguyễn Thị Hồng	Son	Nữ	Kinh	15/10/2005	Bến Tre	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
23	155	0023411987	Nguyễn Thị Kim	Sương	Nữ	Kinh	02/11/2005	Tiền Giang	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
24	156	0023413900	Nguyễn Thị Ngọc	Tài	Nữ	Kinh	21/10/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
25	157	0022411815	Phạm Thị Quang	Tâm	Nữ	Kinh	24/4/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
26	158	0021413135	Nguyễn Minh	Tân	Nam	Kinh	12/05/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
27	159	0021410777	Trương Nhật	Tân	Nam	Kinh	24/06/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
28	160	0023410525	Trần Văn	Tha	Nam	Kinh	19/8/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
29	161	0022411132	Trương Phạm Viết	Thanh	Nam	Kinh	25/4/1999	Tiền Giang	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
30	162	0023412721	Dương Minh	Thảo	Nữ	Kinh	16/9/2005	Tiền Giang	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
31	163	0023412876	Hồ Thị Thanh	Thảo	Nữ	Kinh	31/01/2005	Long An	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4

Tổng số thí sinh: 31

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ ỨDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên		Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Thời gian thi		Phòng thi	
									Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
1	164	0020410177	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	Nữ	Kinh	19/10/2002	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
2	165	0023412650	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	Nữ	Kinh	28/3/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
3	166	0019410875	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	Kinh	13/09/2001	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
4	167	0023410064	Lê Thị Kim	Thơ	Nữ	Kinh	26/5/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
5	168	0023410613	Đồng Phước	Thọ	Nam	Kinh	14/4/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
6	169	0020410110	Lê Hữu	Thoại	Nam	Kinh	03/07/2002	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
7	170	0021413243	Nguyễn Thị Bích	Thu	Nữ	Kinh	14/12/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
8	171	0023414228	Lê Anh	Thư	Nữ	Kinh	20/7/2005	Tiền Giang	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
9	172	0022410035	Lê Trần Minh	Thư	Nữ	Kinh	06/5/2004	Bến Tre	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
10	173	0023411982	Mai Thị Thanh	Thư	Nữ	Kinh	13/12/2005	Tiền Giang	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
11	174	0023412364	Phạm Thị Vân	Thư	Nữ	Kinh	02/11/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
12	175	0023412810	Trần Huỳnh Anh	Thư	Nữ	Kinh	17/11/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
13	176	0023410991	Nguyễn Văn	Thừa	Nam	Kinh	27/02/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
14	177	64096008927	Nguyễn Thế	Thuận	Nam	Kinh	16/11/1996	Gia Lai	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
15	178	0023412653	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	Nữ	Kinh	22/12/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
16	179	0021410910	Trần Thị Thuý	Tiên	Nữ	Kinh	31/10/2003	Bến Tre	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
17	180	0023412390	Võ Thị Mỹ	Tiên	Nữ	Kinh	05/12/2005	Vĩnh Long	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
18	181	0022410578	Nguyễn Đức	Tôn	Nam	Kinh	22/12/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
19	182	0023410350	Huỳnh Nguyễn Bích	Trâm	Nữ	Kinh	26/10/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
20	183	0020410202	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	Nữ	Kinh	12/05/2001	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
21	184	87194015994	Trần Đỗ Bảo	Trâm	Nữ	Kinh	08/10/1994	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
22	185	0023410520	Trang Thị	Trâm	Nữ	Kinh	06/10/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
23	186	0023410199	Hồ Diễm	Trân	Nữ	Kinh	28/6/2005	Tiền Giang	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
24	187	0023413272	Lê Thị Huyền	Trân	Nữ	Kinh	21/10/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
25	188	0023412352	Nguyễn Thị Ngọc	Trân	Nữ	Kinh	07/11/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
26	189	0022411816	Trần Thị Cẩm	Trân	Nữ	Kinh	03/10/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
27	190	0023411662	Đỗ Mộng Thùy	Trang	Nữ	Kinh	05/7/2005	TP. Hồ Chí Minh	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
28	191	0021410945	Lê Thị Minh	Trang	Nữ	Kinh	02/02/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
29	192	87188008624	Trương Ngọc Huyền	Trang	Nữ	Kinh	15/4/1988	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
30	193	0022412595	Nguyễn Minh	Trí	Nam	Kinh	15/8/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
31	194	0021410961	Nguyễn Lê Tú	Trình	Nữ	Kinh	25/07/2000	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
32	195	0021410969	Võ Thị Mai	Trình	Nữ	Kinh	02/05/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4

Tổng số thí sinh: 32

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên		Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Thời gian thi		Phòng thi	
									Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
1	196	0023411171	Trương Thị	Trúc	Nữ	Kinh	01/9/2005	Tiền Giang	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
2	197	0023412051	Lâm Quốc	Trung	Nam	Tà Mun	16/6/2005	Tây Ninh	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
3	198	890941014246	Phan Nhựt	Trường	Nam	Kinh	10/6/1994	An Giang	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
4	199	0022411701	Nguyễn Thanh	Tuấn	Nam	Kinh	10/11/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
5	200	0023413186	Hồ Phước	Tường	Nam	Kinh	30/7/2005	An Giang	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
6	201	0022411923	Huỳnh Thị Kim	Tuyền	Nữ	Kinh	02/6/2003	An Giang	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
7	202	0023411388	Nguyễn Thanh	Tuyền	Nữ	Kinh	03/10/2005	Long An	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
8	203	0023411079	Nguyễn Thị Bích	Tuyền	Nữ	Kinh	09/7/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
9	204	0022412186	Nguyễn Thị Cẩm	Tuyền	Nữ	Kinh	29/3/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
10	205	0022410444	Nguyễn Lê Bạch	Tuyết	Nữ	Kinh	08/02/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
11	206	0020410686	Võ Thị Tú	Uyên	Nữ	Kinh	13/03/2002	Long An	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
12	207	0023412327	Trần Thị Thu	Vân	Nữ	Kinh	10/5/2005	Trà Vinh	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
13	208	0023411429	Nguyễn Thị Tường	Vi	Nữ	Kinh	21/11/2005	Long An	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
14	209	0023410718	Nguyễn Thị Tường	Vi	Nữ	Kinh	24/11/2005	Cà Mau	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
15	210	0022410954	Trần Trung	Vĩnh	Nam	Kinh	08/5/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
16	211	0022410033	Nguyễn Ngọc Tường	Vy	Nữ	Kinh	07/8/2004	Bến Tre	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
17	212	0023410939	Ông Hoàng Ái	Vy	Nữ	Kinh	02/6/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
18	213	0023412387	Đỗ Thị Hồng	Xuân	Nữ	Kinh	20/7/2005	Vĩnh Long	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
19	214	0022411798	Cao Thị Như	Ý	Nữ	Kinh	23/7/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
20	215	0022411894	Lê Thị	Ý	Nữ	Kinh	09/9/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
21	216	0023411259	Mai Như	Ý	Nữ	Kinh	24/12/2005	Tiền Giang	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
22	217	0023410332	Trần Ngọc Như	Ý	Nữ	Kinh	12/7/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
23	218	0023411470	Võ Ngọc Như	Ý	Nữ	Kinh	28/3/2005	TP. Hồ Chí Minh	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
24	219	0020410774	Vũ Hồng	Yến	Nữ	Kinh	26/10/2002	Đồng Tháp	6h45'		103- B4	
25	220	0020410625	Huỳnh Thị Kiều	Hạnh	Nữ	Kinh	19/9/2002	Long An	6h45'		103- B4	
26	221	0023412976	Nguyễn Đức	Nguyên	Nam	Kinh	18/10/2005	Long An	6h45'		103- B4	
27	222	0023411237	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	Nữ	Kinh	12/4/2005	An Giang	6h45'		103- B4	
28	223	0020410847	Nguyễn Trần Thanh	Tú	Nam	Kinh	19/12/2002	Vĩnh Long	6h45'		103- B4	
29	224	0020410629	Nguyễn Bảo	Vi	Nữ	Kinh	27/6/2002	Đồng Tháp	6h45'		103- B4	
30	225	0020410456	Lê Phước	Vĩnh	Nam	Kinh	12/9/2002	An Giang	6h45'		103- B4	
31	226	0020410768	Nguyễn Thị Kim	Yến	Nữ	Kinh	24/01/2002	Đồng Tháp	6h45'		103- B4	
32	227	0022412327	Nguyễn Thị Yến	Như	Nữ	Kinh	25/02/2003	Đồng Tháp		08h00'		103- B4

Tổng số thí sinh: 32